

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 08-5-2020.

V/v “ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Triều

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thu Hồng.

2. Bà Dương Thị Thanh Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

*N đơn:* Bà Trần Thảo N, sinh năm 1989.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: số 82F ấp B1, xã P, thành phố B. Tỉnh Bến Tre.

Bà N xin vắng mặt, ông C vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2019 và và bản tự khai ngày 07/01/2020, N đơn Trần Thảo N trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Ngọc C tự nguyện kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/02/2011. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng bình thường nhưng sau vài năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông C thường xuyên uống rượu say về chửi, đánh bà, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên vào năm 2016 bà có nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà. Bà và ông C đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa bà và C không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: trong quá trình chung sống bà và ông C có một con chung là Nguyễn Huỳnh Th, sinh ngày 17/9/2011 hiện đang sống chung với ông C nên sau khi ly hôn bà đồng ý để ông C tiếp tục nuôi con chung, bà tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn mười tám tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập, thông báo dời ngày xét xử cho ông Nguyễn Ngọc C tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông C không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông C cũng như không tiến hành hòa giải giữa N đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. N đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn không tham gia tố tụng dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần là chưa chấp hành quy định. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thảo N, bà N được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc C. Về con chung: ông C tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Huỳnh Th, bà N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: bà N khai không có nên không xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: N đơn bà Trần Thảo N khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Ngọc C. Hiện nay, ông C đang cư trú tại số 82F ấp Bình Thành, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông C nhưng ông C vẫn vắng mặt nên không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C là phù hợp.

Ngày 07/5/2020 bà N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định.

[2] Bà N và ông C tự nguyện kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/02/2011 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà N, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường

nhưng sau vài năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông C thường xuyên uống rượu say về chửi, đánh bà, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên vào năm 2016 bà có nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà. Bà và ông C đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã mở phiên hòa giải để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng của bà N và ông C nhưng ông C vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với bà N. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[3] Về con chung: bà N và ông C có một con chung là Nguyễn Huỳnh Th, sinh ngày 17/9/2011. Bà N đồng ý để ông C tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn, bà N tự N cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn mười tám tuổi. Theo bà N trình bày, hiện tại cháu Th đang sống chung với ông C và tại biên bản hỏi ý con chung ngày 07/01/2020 thì cháu Th cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông C nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc giao con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng và bà N tự N cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà N phải chịu, theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, Quân phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 147 và Điều 227 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81,82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Trần Thảo N đối với ông Nguyễn Ngọc C.

1. Về hôn nhân: bà Trần Thảo N được ly hôn ông Nguyễn Ngọc C.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Huỳnh Th, sinh ngày 17/9/2011 cho ông C trực tiếp nuôi, bà N cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 (mười tám) tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Không bên nào được quyền ngăn cản quyền đến thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008366 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà N phải nộp.

Bà N và ông C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND X. P, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**Đã ký**

**Nguyễn Xuân Triều**